

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 27/4/2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Cảnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Lê Văn Tám**.

Ông **Huỳnh Ngọc Trứ**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tuấn Tín** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Liễu** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 242/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

* *Bị đơn:* Chị **Trương Mộng N**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

(Anh T, chị N có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trương Mộng N chung sống với nhau vào năm 2000, có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh và chị N đã ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 6/2020 cho đến nay. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị Trương Mộng N.

Về con chung: Anh và chị Trương Mộng N có 03 con chung tên Nguyễn Vĩnh T1, sinh ngày 03/3/2000; Nguyễn Trương Anh T2, sinh ngày 02/7/2005 và Nguyễn Trương Đan H, sinh ngày 30/11/2007. Đối với con chung Nguyễn Vĩnh T1 đã thành niên, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, anh đồng ý giao 02 con chung Nguyễn Trương Anh T2 và Nguyễn Trương Đan H cho chị Trương Mộng N nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn chị Trương Mộng N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau vào năm 2000, có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Chị và anh T đã ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 6/2020 cho đến nay. Nay chị đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh T, yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn T có 03 con chung tên Nguyễn Vĩnh T1, sinh ngày 03/3/2000; Nguyễn Trương Anh T2, sinh ngày 02/7/2005 và Nguyễn Trương Đan H, sinh ngày 30/11/2007. Đối với con chung Nguyễn Vĩnh T1 đã thành niên, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Trương Anh T2 và Nguyễn Trương Đan H, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn chị Trương Mộng N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa xác định:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân theo đúng pháp luật tố tụng.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân đề nghị HĐXX không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn T và chị Trương Mộng N.

- Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Trương Anh T2, sinh ngày 02/7/2005 và Nguyễn Trương Đan H, sinh ngày 30/11/2007 cho chị Trương Mộng N chăm sóc nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con. Con chung Nguyễn Vĩnh T1 đã thành niên, có khả năng lao động nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung không xem xét do đương sự không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Nguyễn Văn T là nguyên đơn và chị Trương Mộng N là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T, chị N.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, nuôi con chung”, bị đơn chị Trương Mộng N có hộ khẩu thường trú tại ấp M, xã M, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Trương Mộng N chung sống với nhau vào năm 2000, nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp. Nên pháp luật không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn T và chị Trương Mộng N.

[4] Về con chung:

Anh T và chị N có 03 con chung Nguyễn Vĩnh T1, sinh ngày 03/3/2000; Nguyễn Trương Anh T2, sinh ngày 02/7/2005 và Nguyễn Trương Đan H, sinh ngày 30/11/2007.

- Đối với con chung Nguyễn Vĩnh T1, sinh 03/3/2000. Đến nay đã thành niên, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét việc nuôi con và cấp dưỡng.

- Đối với con chung Nguyễn Trương Anh T2, sinh 02/7/2005 và Nguyễn Trương Đan H, sinh ngày 30/11/2007, hiện nay chị N đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Trương Anh T2 và Nguyễn Trương Đan H; Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải thì anh T cũng đồng ý giao 02 con chung Nguyễn Trương Anh T2 và Nguyễn Trương Đan H cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử xem xét giao 02 con chung Nguyễn Trương Anh T2 và Nguyễn Trương Đan H cho chị N chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:

Chị Trương Mộng N không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng cho con, đây là sự tự nguyện của chị N nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Trương Mộng N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét ý kiến Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào:**

- Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 9, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa anh Nguyễn Văn T và chị Trương Mộng N là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung:

Giao 02 con chung tên Nguyễn Trương Anh T2, sinh ngày 02/7/2005 và Nguyễn Trương Đan H, sinh ngày 30/11/2007 cho chị Trương Mộng N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không có yêu cầu;

Anh Nguyễn Văn T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002085 ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên anh T đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn T và chị Trương Mộng N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự: T, N;
- UBND xã M, Tx.Cai Lậy;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Cảnh